

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 30-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đông

Ông Thạch Mu Ni

Bà Diệp Huyền Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS, ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Sơn Thanh T, sinh năm 1990, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Số A, Khóm Z, Phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Sơn Đ, sinh năm 1965 và bà Tô Thị Thu N, sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: 01, tại Bản án 57/2019/HS-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích; nhân thân: Xấu, tại Bản án số 23/HS-PT ngày 25/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử bị cáo 06 năm tù về tội hiếp dâm, Bản án số 41/HS-ST ngày 03/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07 tháng 5 năm 2021 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định: Luật sư Trương Hoàng Ph của Văn phòng Luật sư Trương Hoàng Ph thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Phan Thanh S, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Khóm K, phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Khóm K, phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Trần Anh Tuyết Ph, sinh năm 1987. Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (xin xét xử vắng mặt).

4. Ông Bùi Văn A, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Huỳnh Ngọc Tr, sinh năm 2003. Nơi cư trú: số G, khóm K, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Chị Sơn Thị Ngọc H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Số A, khóm Z, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (xin xét xử vắng mặt).

3. Chị Ngô Hoàng L, sinh năm 1993. Nơi cư trú: số G, khóm K, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (xin xét xử vắng mặt).

- Người phiên dịch: Ông Thạch I, công tác tại Bảo tàng tổng hợp tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 03/5/2021 do cần tiền để tiêu xài nên bị cáo Sơn Thanh T chạy xe đạp một mình đến khu vực phường M, thành phố T để tìm nhà nào thuận lợi để thực hiện trộm cắp tài sản. Khi đến nhà của bị hại Phan Thanh S bị cáo dựng xe đạp bên ngoài hàng rào lưới B40 tại vị trí bị đứt sẵn, bị cáo dùng tay kéo lưới B40 qua một bên rồi leo vào bên trong sau đó đi vòng ra phía sau nhà, phát hiện có cây xà beng khu vực cửa rào nhà sau, bị cáo lấy cây xà beng này phá cửa rào đi vào trong. Tại đây, bị cáo lấy 03 bịch sữa tươi để trong tủ lạnh uống và bỏ vỏ tại nhà sau. Do nhà sau không có tài sản gì có giá trị đồng thời xác định nhà không có ai nên bị cáo đã quyết định vào nhà chính để lục soát tìm tài sản. Để vào được bên trong nhà chính bị cáo đã lục tìm lấy được 01 (một) cái đục sắt ở nhà sau rồi dùng cây xà beng và cây đục sắt cạy cửa, khi mở được cửa bị cáo đi lên nhà chính tiến hành lục soát tìm tài sản. Bị cáo lục soát hầu như tất cả các chỗ trong nhà. Tuy nhiên, không tìm được tài sản gì nên bị cáo quyết định phá kết sắt để trong phòng ngủ ở cạnh phòng khách. Phía trên kết sắt có một tấm kính trong suốt bị cáo lấy tấm kính ra đặt lên trên tấm niệm tại phòng ngủ, rồi lật kết sắt xuống nền gạch, cửa kết sắt hướng lên trần nhà rồi sử dụng cây xà beng và cây đục tiến hành cạy phá kết sắt. Thực hiện trong khoảng 60 phút thì mở được cánh cửa kết sắt, bên trong còn có một ngăn nhỏ bị cáo tiếp tục cạy phá thì phát hiện có 02 (hai) chiếc

hộp, một hộp đựng rất nhiều tiền USD và một hộp đựng rất nhiều vàng miếng, bị cáo nhanh chóng lấy hết số tiền, vàng để vào cái bóp có sẵn trong phòng rồi nhanh chóng thoát ra ngoài đi đến chỗ để xe đạp, số tiền USD bị cáo để trong túi quần còn số vàng đựng trong cái bóp để vào rổ phía trước xe đạp rồi chạy về nhà của Huỳnh Ngọc Tr, sinh năm 2003, cư trú tại số G, Khóm K, Phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Bị cáo và Tr sống với nhau như vợ chồng). Bị cáo về đến nhà Tr khoảng 20 giờ đến 21 giờ cùng ngày, lúc này nhà Tr có bốn người gồm: Y (chị ruột Tr), A (chồng của Y), Hoàng L (Dì của Tr), bà ngoại Tr bị tai biến nằm trong phòng nhưng không ai để ý biết bị cáo làm gì. Sau đó bị cáo có lấy tiền USD ra cho Tr nhưng Tr nói tiền âm phủ nên không lấy, bị cáo giấu hết số vàng và tiền USD vừa trộm được vào cái ba lô đựng quần áo rồi để dưới giường ngủ của bị cáo và Tr, sau đó bị cáo đi tắm và đi ăn hủ tiếu đến khoảng nửa đêm về bị cáo đem cái ba lô lên gác lấy vàng ra đếm được 60 thẻ (tương đương 60 lượng), riêng tiền USD không đếm nhưng thấy có 03 (ba) sấp mỗi sấp có độ dày tương đương với cuốn tập học sinh loại 100 Tr và 01 (một) sấp có độ dày tương đương với cuốn tập học sinh loại 50 Tr, mỗi tờ đều có mệnh giá 100 USD. Tài sản trộm cắp được, bị cáo chưa sử dụng còn để tại nhà Tr, đến ngày 06/5/2021 bị cáo và Y (chị ruột Tr) xảy ra mâu thuẫn, Tr đuổi bị cáo đi khỏi nhà. Khi đi bị cáo kiểm tra lại tài sản thì trong ba lô chỉ còn 60 lượng vàng, còn số tiền USD đã bị ai lấy mất lúc nào không hay biết (BL 339, 340). Bị cáo lấy 08 lượng vàng để trong yên xe của bị cáo mua, còn 52 lượng vàng bị cáo đem gửi tại nhà em gái tên Sơn Thị Ngọc H, sinh năm 1992, có chồng ở phường X, thành phố T, đến trưa ngày 07/5/2021 thì bị cáo bị bắt.

Quá trình khám xét nơi ở của Sơn Thanh T tại địa chỉ số nhà G, khóm K, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh Cơ quan điều tra đã thu giữ được 08 lượng vàng SJC để trong yên xe. Khám xét số nhà 57/1 khóm Z, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh Cơ quan điều tra đã thu giữ 52 lượng vàng SJC trên yên xe mô tô SH mode biển số 84B1-43130 (nhà cha bị cáo).

Đối với số tiền 35.000 USD và 06 (sáu) lượng vàng SJC mặt dù Cơ quan điều tra đã thực hiện nhiều biện pháp nghiệp vụ nhưng vẫn không thu giữ được, chiếc xe đạp mà T dùng làm phương tiện gây án, bị cáo đã bỏ gần khu vực Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh (Bệnh viện mới) thuộc phường N, thành phố T, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh đã tiến hành thu mẫu vân tay in trên tấm kính và đèn để bàn tại nhà bị hại và trích xuất camera ghi nhận hình ảnh vụ án để làm cơ sở cho việc điều tra phá án. Quá trình khám xét đã thu giữ 60 (sáu mươi) thẻ kim loại màu vàng, đặc điểm các thẻ đều giống nhau, một mặt ở đầu thẻ có in chữ SJC, giữa thẻ có in hình con rồng, cuối thẻ có dãy số 999.9.

Tại bản Kết luận giám định dấu vết vân tay số 288/KLGD ngày 06/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Dấu vết vân tay in trên tấm kính (trong suốt), trên nệm tại phòng ngủ số 3 có kích thước 48 x 40 cm

thu ở hiện trường vụ trộm xảy ra ngày 03/5/2021, tại nhà ông Phan Thanh S, sinh năm 1952, hộ khẩu thường trú khóm K, phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh với điểm chỉ vân tay ngón út phải trên chỉ bản số: 95, họ tên Sơn Thanh T, sinh năm 1990, nơi ĐKKH: Số A Khóm Z, Phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do cùng một người in ra.

Tại bản Kết luận giám định số 3529/C09B ngày 08/7/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 60 (sáu mươi) thẻ kim loại màu vàng, đặc điểm các thẻ đều giống nhau, một mặt ở đầu thẻ có in chữ SJC, giữa thẻ có in hình con rồng, cuối thẻ có dãy số 999.9 và mặt còn lại phần đầu thẻ có in chữ SAI GON JEWELRY COMPANY SJC RỒNG VÀNG 999.9 FINE GOLD CÔNG TY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ 37,5 gram (1 LƯỢNG), khối lượng 01 thẻ: 37,5 gram được niêm phong, gửi giám định đều có thành phần kim loại là Vàng (Au), hàm lượng vàng (Au): 999,9% (Bút lục số 184).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/BKLĐGTS ngày 23/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Trà Vinh kết luận:

Giá trị tài sản 66 (sáu mươi sáu) lượng vàng SJC (24k) tại thời điểm ngày 03/5/2021 như sau:

66 (sáu mươi sáu) lượng vàng SJC (24k) x 53.320.000 đồng/01 lượng = 3.519.120.000 đồng.

Giá trị tài sản 35.000 USD tại thời điểm ngày 03/5/2021 như sau:

35.000 USD x 23.100 đồng/USD = 808.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá tại thời điểm ngày 03/5/2021 là: 4.327.620.000 đồng.

Trong quá trình điều tra bị cáo Sơn Thanh T trình bày việc bị hại Phan Thanh S khai mất 66 lượng vàng SJC và 35.000 USD là đúng vì trong quá trình trộm và di chuyển có khả năng bị rút mất 06 lượng vàng của bị hại.

Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận do cần tiền để tiêu xài nên khoảng 15 giờ ngày 16/3/2021 trước ngày bị cáo trộm nhà ông S, bị cáo còn thực hiện trộm cắp tài sản nhà chị Trần Anh Tuyết Ph tại ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Để thực hiện việc trộm cắp tài sản, bị cáo đi mua một cây kiềm rồi dùng kiềm cắt dây chì hàng rào và cửa sổ đột nhập vào trong nhà để lấy trộm tài sản trong két sắt có gắn sẵn chìa khóa và không có khóa số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), sau khi lấy được tiền bị cáo bỏ vào túi quần nhanh chóng tẩu thoát, bị cáo đã sử dụng số tiền trộm này cho việc trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra Công an huyện C trích xuất dữ liệu camera do chị Trần Anh Tuyết Ph cung cấp, qua kiểm tra nội dung thể hiện hình ảnh trong đoạn camera là bị cáo Sơn Thanh T. Cơ quan điều tra Công an huyện C đã lưu vào 01 (một) thẻ nhớ được niêm phong có ký hiệu NS4, mã số NS4A130814 (thẻ nhớ lưu vào hồ sơ vụ án).

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ các đồ vật, tài liệu có liên quan trong vụ án gồm:

- 60 (sáu mươi) lượng vàng SJC (đã trao trả cho bị hại theo Quyết định xử lý vật chứng số 12 ngày 16/12/2021) (bút lục số 210, 211, 212).

- 01 (Một) thẻ nhớ được niêm phong trong túi niêm phong có ký hiệu NS4, mã số NS4A 130814 có chữ ký và họ tên Thi Trọng L; Trần Anh Tuyết Ph và dấu tròn mực đỏ ghi dòng chữ CÔNG AN HUYỆN C – TỈNH TRÀ VINH – CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA. (kèm theo tập hồ sơ vụ án)

- 01 (Một) ổ khóa màu vàng đồng; 01 (Một) chốt gày bằng kim loại dạng chữ T; 03 (Ba) vỏ bít sữa; 01 (Một) quẹt gas màu vàng; 01 (Một) chốt gài bằng kim loại (chốt gài dưới); 01 (Một) thanh kim loại (cây xà beng) loại sắt phi 20; 01 (Một) đèn điện dạng đèn để bàn màu xanh; 01 (Một) tấm kính; 01 (Một) cái mũ dạng mũ lưới trai, màu đỏ (nón kết bằng vải); 01 (Một) thanh kim loại (Đục sắt nhọn) loại phi 27; 01 (Một) khẩu Tr, dạng khẩu Tr y tế màu xanh; 04 (Bốn) đầu tấm bông chuyên dụng thu dầu vết mồ hôi; 01 (Một) kết sắt; 01 (Một) ba lô đựng quần áo bằng vải hoa văn màu xanh – xám; 01 (Một) điện thoại di động loại cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ - đen, biển số 84G1- 34305 đã qua sử dụng; 01 (Một) biển số xe 84B1-93920; 03 (Ba) giấy bảo đảm cửa hàng Ô; 01 (Một) bốp da màu đen; 01 (Một) hóa đơn cửa hàng điện thoại N; 01 (Một) hóa đơn mua bán xe; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe máy tên Lê Thị Cẩm Ê, cư trú: ấp O, xã U, huyện R, tỉnh Trà Vinh loại xe Sirius, biển số 84G1-34305, cấp ngày 26/01/2016;

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P1 ngày 19/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Sơn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Sơn Thanh T thừa nhận bản Cáo trạng mô tả hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo tại nhà của ông Phan Thanh S vào ngày 03/5/2021 và nhà chị Trần Anh Tuyết Ph vào ngày 16/3/2021 là đúng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và thừa nhận Cáo trạng quy kết số tiền, vàng bị cáo trộm tại nhà ông Phan Thanh S là 66 lượng vàng SJC và 35.000 USD và nhà chị Trần Anh Tuyết Ph số tiền 2.500.000 đồng là đúng và xác nhận hình ảnh ghi nhận được từ dữ liệu camera tại nhà chị Ph đó là hình ảnh bị cáo khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các dấu vân tay để lại trên tấm kính tại nhà ông S là của bị cáo đúng như Kết luận giám định vì trong quá trình trộm cắp tài sản bị cáo có dùng tay cầm di dời tấm kính này, bị cáo không khiếu nại nội dung bản Cáo trạng, không kêu oan và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Sơn Thanh T đồng ý trả cho các bị hại số tiền, vàng bị cáo đã trộm cắp còn lại.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay đã có đầy đủ căn cứ xác định chính bị cáo Sơn Thanh T là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà chị Trần Anh Tuyết Ph số tiền 2.500.000 đồng vào ngày 16/3/2021 và trộm cắp tài sản tại nhà ông Phan Thanh S là 66 lượng vàng SJC và 35.000 USD vào ngày 03/5/2021. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng truy tố bị cáo. Về tình tiết tăng nặng, bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm và bị cáo thực hiện hai lần trộm cắp tài sản và mỗi lần đều đủ định lượng cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn khai báo tình tiết này được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sơn Thanh T từ 14 năm đến 15 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 07/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại: Trần Anh Tuyết Ph số tiền 2.500.000 đồng và ông Phan Thanh S số tiền 06 lượng vàng SJC và 35.000 USD tương đương số tiền 1.128.420.000 đồng.

Giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý 01 (Một) điện thoại di động loại cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ - đen, biển số 84G1-34305 đã qua sử dụng; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe máy của chiếc xe nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng còn lại, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Sơn Thanh T cho rằng: Vị hoàn toàn thống nhất với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo và quan điểm của Kiểm sát viên quy kết bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” về tình tiết định khung hình phạt truy tố bị cáo T tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bổ sung các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, tại phiên tòa bị cáo đồng ý giao tài sản của bị cáo là chiếc xe máy và điện thoại để khắc phục, bồi thường cho bị hại đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51. Đồng thời bị cáo Sơn Thanh T là người dân tộc thiểu số, lao động nghèo nên đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ

những nhận định phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo quan điểm của vị Kiểm sát viên đã đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Vị thống nhất quan điểm của Kiểm sát viên nên không có ý kiến.

Qua quan điểm của Kiểm sát viên và người bào chữa, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị hại ông Phan Thanh S tranh luận: Bị cáo trộm tiền, vàng của ông nhưng bị cáo cũng đã bị người khác trộm hết số tiền 35.000 USD và 06 lượng vàng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét làm rõ hành vi của người trộm đã trộm số tiền trên để đảm bảo việc thi hành án cho ông.

Lời nói sau cùng của bị cáo Sơn Thanh T: Bị cáo xin lỗi các bị hại, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị hại và người có liên quan vắng mặt nhưng có đơn xét xử vắng mặt hợp lệ nên việc vắng mặt của đương sự là có lý do được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Sơn Thanh T thừa nhận do bị cáo cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 18 giờ ngày 03/5/2021 bị cáo chạy xe đạp đi tìm ai có tài sản thiếu cảnh giác để trộm cắp và chính bị cáo đã lén lút vào nhà ông Phan Thanh S cạy mở kết sắt trộm cắp 66 lượng vàng SJC và 35.000 USD và thừa nhận trước đó vào khoảng 15 giờ ngày 16/3/2021 bị cáo lén lút vào nhà của chị Trần Anh Tuyết Ph mở kết sắt trộm cắp số tiền 2.500.000 đồng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là nhất quán, không thay đổi, phù hợp với tin tố giác tội phạm và lời khai của các bị hại và phù hợp với vật chứng thu giữ qua khám xét, Kết luận giám định về dấu vân tay, dữ liệu camera cùng với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập được, bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp và thực hiện tội phạm 02 lần với số tiền chiếm đoạt lớn. Do vậy, có căn cứ xác định chỉ một mình bản thân bị cáo thực hiện hành vi và hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản”. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Sơn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên

tòa là phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện, hậu quả vụ án và đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bào chữa nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[4] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đến khách thể này đều bị xử lý. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Với tuổi đời của bị cáo, cùng với 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sơ hở của người khác để thực hiện hành vi lén lút rồi trộm cắp chiếm đoạt tài sản của họ là phạm tội, nhưng gì bản tính lười lao động, ham thích có tiền để ăn chơi mặc dù biết là phạm tội nhưng bị cáo vẫn lao vào thực hiện trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo có nhân thân xấu ngoài tiền án trên bản thân bị cáo đã hai lần bị Tòa án xét xử về tội hiếp dâm và trộm cắp tài sản đều là tù có thời hạn đã được xóa án tích nhưng bị cáo không biết sửa chữa bản thân mà tỏ ra bất chấp, xem thường pháp luật tiếp tục phạm tội, cho thấy bị cáo thuộc đối tượng rất khó cảm hóa giáo dục, cải tạo và chậm tiến bộ, hành vi của bị cáo gây bức xúc trong xã hội, làm mất an ninh, trật tự tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm khắc mới đủ thời gian để cải tạo, cảm hóa, giáo dục bị cáo thành người tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Sơn Thanh T, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo để xem xét toàn diện, khách quan khi quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Trước khi phạm tội, bị cáo đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích do đó lần phạm này thuộc trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần thực hiện đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cho đến nay số tiền 2.500.000 đồng bị cáo trộm của chị Trần Anh Tuyết Ph, 06 lượng vàng SJC và 35.000 USD bị cáo trộm của ông Phan Thanh S bị cáo chưa bồi thường nên buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền và vàng nêu trên. Tuy nhiên theo quy định của Bộ luật Dân sự và Điều 19 Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định không được sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán và Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18/3/2013 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/UBTVQH11 ngày 13/12/2005 quy định không được sử dụng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán, do đó nghĩ nên cần quy đổi số vàng và USD còn lại ra tiền Việt Nam đồng theo giá trị mà Kết luận định giá đã định để buộc bị cáo Sơn Thanh T trả lại cho bị hại Phan Thanh S, quy đổi như sau: 06 lượng vàng SJC x 53.320.000đ/lượng bằng 319.920.000 đồng; 35.000 USD x 23.100đ/1USD bằng 808.500.000 đồng; Tổng cộng hai khoản sau khi quy đổi là 1.128.420.000 đồng.

Riêng 60 (sáu mươi) lượng vàng SJC Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ sau đó ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bị hại Phan Thanh S nên không đặt ra để xem xét.

01 (Một) thẻ nhớ được niêm phong trong túi niêm phong có ký hiệu NS4, mã số NS4A 130814 có chữ ký và họ tên Thi Trong L; Trần Anh Tuyết Ph và dấu tròn mực đỏ ghi dòng chữ CÔNG AN HUYỆN C – TỈNH TRÀ VINH – CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA. Xét thấy thẻ nhớ trên là tài liệu liên quan trực tiếp đến việc chứng minh tội phạm được thu thập đúng theo trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là chứng cứ của vụ án, vì là chứng cứ nên cần lưu vào cùng với hồ sơ vụ án.

[7] Về xử lý vật chứng:

03 (Ba) vỏ bít sữa; 01 (Một) khẩu trang, dạng khẩu trang y tế màu xanh; 04 (Bốn) đầu tăm bông chuyên dụng thu dấu vết mồ hôi.

01 (Một) ổ khóa màu vàng đồng; 01 (Một) chốt gày bằng kim loại dạng chữ T; 01 (Một) quẹt gas màu vàng; 01 (Một) chốt gài bằng kim loại (Chốt gài dưới); 01 (Một) thanh kim loại (cây xà beng) loại sắt phi 20; 01 (Một) đèn điện dạng đèn để bàn màu xanh; 01 (Một) tấm kính; 01 (Một) cái mũ dạng mũ lưỡi trai, màu đỏ (nón kết bằng vải); 01 (Một) thanh kim loại (Đục sắt nhọn) loại phi 27; 01 (Một) kết sắt; 01 (Một) ba lô đựng quần áo bằng vải hoa văn màu xanh – xám; 01 (Một) biển số xe 84B1-93920; 03 (Ba) giấy bảo đảm cửa hàng Ô; 01 (Một) hóa đơn mua bán xe; 01 (Một) hóa đơn cửa hàng điện thoại N; 01 (Một) bóp da màu đen. Xét thấy các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng và bị hại ông Phan Thanh S không có yêu cầu nhận lại các vật chứng thuộc quyền sở hữu của ông và những vật chứng này không

còn giá trị sử dụng, nên căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động loại cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ - đen, biển số 84G1-34305 đã qua sử dụng; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe máy tên Lê Thị Cẩm Ê, cư trú: Ấp O, xã U, huyện R, tỉnh Trà Vinh loại xe Sirius, biển số 84G1-34305, cấp ngày 26/01/2016 nêu trên, đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo nên giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo cho việc thi hành Bản án.

[8] Đối với Huỳnh Ngọc Tr, Ngô Hoàng L quá trình điều tra chứng minh chị Tr và chị Hoàng L hoàn toàn không biết việc bị cáo trộm tài sản và không chứng minh được có liên quan đến số vàng, tiền USD bị mất do đó không có cơ sở xử lý là có căn cứ. Đối với chị Sơn Thị Ngọc H khi nhận được số vàng bị cáo gửi, chị H biết là số vàng bị cáo trộm có được nên đã chủ động đi giao nộp số vàng trên nên không có cơ sở truy tố chị H.

[9] Đề nghị của kiểm sát viên xét xử sơ thẩm phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Sơn Thanh T phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Sơn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Sơn Thanh T 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 5 năm 2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Sơn Thanh T, buộc bị cáo Sơn Thanh T bồi thường cho ông Phan Thanh S tổng giá trị thiệt hại còn lại là 1.128.420.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Buộc

bị cáo Sơn Thanh T bồi thường cho chị Trần Anh Tuyết Ph số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Lưu vào cùng với hồ sơ vụ án: 01 (Một) thẻ nhớ được niêm phong trong túi niêm phong có ký hiệu NS4, mã số NS4A 130814 có chữ ký và họ tên Thi Trọng L; Trần Anh Tuyết Ph và dấu tròn mực đỏ ghi dòng chữ CÔNG AN HUYỆN C – TỈNH TRÀ VINH – CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

03 (Ba) vỏ bịt sữa; 01 (Một) khẩu trang, dạng khẩu trang y tế màu xanh; 04 (Bốn) đầu tăm bông chuyên dụng thu dấu vết mồ hôi;

01 (Một) ổ khóa màu vàng đồng; 01 (Một) chốt gày bằng kim loại dạng chữ T; 01 (Một) quẹt gas màu vàng; 01 (Một) chốt gài bằng kim loại (Chốt gài dưới); 01 (Một) thanh kim loại (cây xà beng) loại sắt phi 20; 01 (Một) đèn điện dạng đèn để bàn màu xanh; 01 (Một) tấm kính; 01 (Một) cái mũ dạng mũ lưỡi trai, màu đỏ (Nón kết bằng vải); 01 (Một) thanh kim loại (Đục sắt nhọn) loại phi 27; 01 (Một) kết sắt; 01 (Một) ba lô đựng quần áo bằng vải hoa văn màu xanh – xám; ; 01 (Một) biển số xe 84B1-93920; 03 (Ba) giấy bảo đảm cửa hàng Ô; 01 (Một) hóa đơn mua bán xe; 01 (Một) hóa đơn cửa hàng điện thoại N; 01 (Một) bóp da màu đen.

Giao cho cục Thi hành án dân sự quản lý 01 (Một) điện thoại di động loại cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ - đen, biển số 84G1- 34305 đã qua sử dụng; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe máy tên Lê Thị Cẩm Ê, cư trú: ấp O, xã U, huyện R, tỉnh Trà Vinh loại xe Sirius, biển số 84G1-34305, cấp ngày 26/01/2016 nêu trên; để đảm bảo cho việc thi hành Bản án.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Sơn Thanh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 45.927.600 đồng (Bốn mươi lăm triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp;
- CA huyện H.C; TP. T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Người bào chữa;
- Lưu VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành